

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 12/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế, Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, được chỉnh sửa, bổ sung bởi Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 30/6/2026;

Xét Văn bản số 040/26-KVN-KKT ngày 02/7/2026 của Công ty TNHH Kurz Việt Nam về việc chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Kurz Việt Nam tại Bình Định và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kurz Việt Nam, địa chỉ tại: Lô A9.1, Khu công nghiệp Becamex Bình Định thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Kurz Việt Nam tại Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Kurz Việt Nam tại Bình Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại lô A9.1, Khu công nghiệp Becamex Bình Định thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 4101606323 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13/5/2026.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3285148774 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08/11/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 19/3/2026.

1.4. Mã số thuế: 4101606323.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất tấm phim/decal trang trí và lá dập nóng;
- Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, thiết kế hệ thống, tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính; dịch vụ lập trình, sản xuất phần mềm (tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính);
- Thực hiện nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối bán buôn hàng hóa;
- Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất: 120.000 m². Trong đó, diện tích đất giai đoạn 1 và giai đoạn 2 là 77.924 m² (bao gồm đất xây dựng công trình, đất trồng cây xanh, thảm cỏ và đất giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật); diện tích đất dự trữ là 42.076 m².

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

- Công suất: 40.000.000 m² sản phẩm/năm. Trong đó: 30.000.000 m² sản phẩm/năm có công đoạn mạ kim loại (tương đương 600 tấn sản phẩm/năm) và 10.000.000 m² sản phẩm/năm không có công đoạn mạ kim loại.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sơ chế nguyên liệu sản xuất mực in: Nguyên liệu thô (bột màu, chất phân tán, nhựa, dung môi,...) → Phối trộn → Mực in → Nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở.

+ Quy trình sơ chế nguyên liệu màng Pet (chỉ thực hiện đối với sản phẩm có yêu cầu): Màng Pet → Chà nhám → Xử lý gia nhiệt/Xử lý bề mặt (tùy theo yêu cầu của từng loại sản phẩm) → Màng Pet sau xử lý → Nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở.

+ Quy trình sản xuất tấm phim/decal trang trí và lá dập nóng:

++ Đối với sản phẩm không có công đoạn mạ kim loại: Màng Pet/màng Pet sau xử lý → In → Sấy (chỉ thực hiện đối với sản phẩm có yêu cầu) → Kiểm tra → Cắt → Đóng gói → Nhập kho, xuất xưởng.

++ Đối với sản phẩm có công đoạn mạ kim loại: Màng Pet/màng Pet sau xử lý → In lần 1 → Sấy → Mạ chân không (bằng dây kim loại) → Sấy (chỉ thực hiện đối với sản phẩm có yêu cầu) → In lần 2 → Kiểm tra → Cắt → Đóng gói → Nhập kho, xuất xưởng.

+ Quy trình hoạt động của các loại hình dịch vụ:

++ Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính: Bộ phận kỹ thuật tiếp nhận, thu thập thông tin từ khách hàng → Tư vấn các giải pháp kỹ thuật, gia công phần mềm theo yêu cầu của khách hàng → Chuyển giao cho khách hàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, trường hợp có yêu cầu của khách hàng đối với việc bảo trì, bảo dưỡng các phần mềm, ứng dụng đã cung cấp, bộ phận kỹ thuật của Chủ cơ sở sẽ đến tại địa điểm yêu cầu của khách hàng để thực hiện dịch vụ.

++ Thực hiện nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối bán buôn hàng hóa: Nhập khẩu máy móc, cuộn phôi màng Pet thành phẩm.

+++ Máy móc → Vận chuyển về nhà máy → Kiểm tra → Lưu kho → Phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở.

+++ Cuộn phôi màng Pet thành phẩm → Vận chuyển về nhà máy → Kiểm tra → Cắt → Đóng gói → Lưu kho, xuất xưởng.

++ Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp và sửa chữa, bảo dưỡng máy móc: Chủ cơ sở cung cấp nguồn nhân lực, dụng cụ, phương tiện đến từng nhà máy của khách hàng; thực hiện lắp ráp, lắp đặt hoàn thiện hệ thống

máy móc, thiết bị (hệ thống máy móc, thiết bị này do Tập đoàn Kurz cung cấp) và phối hợp với chuyên gia của Tập đoàn Kurz và khách hàng để thực hiện công tác vận hành, chạy thử, nghiệm thu; thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại từng nhà máy theo yêu cầu của khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kurz Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kurz Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND xã Canh Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 7 năm 2036).

Giấy phép môi trường số 21/GPMT-BQL cấp ngày 23/11/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH Kurz Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Canh Vinh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Kurz Việt Nam;
- Công ty CP Becamex Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (công khai trên website);
- Các Phòng: QLĐT, QH XD, QL DN;
- Lưu: VT, TNMT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 vì toàn bộ nguồn nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh tại mặt bằng cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex Bình Định theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Becamex Bình Định ngày 15/3/2022, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của nhà bảo vệ, nhà văn phòng và nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó tự chảy theo các đường ống uPVC D114mm, D168mm và HDPE DN200mm về hồ bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của xưởng sản xuất giai đoạn 1 và xưởng sản xuất giai đoạn 2 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 02 ngăn, sau đó tự chảy theo đường ống uPVC D114mm và HDPE DN200mm về hồ bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà chuyên gia được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 02 ngăn, sau đó tự chảy theo đường ống uPVC D114mm về hồ bơm cục bộ đặt gần nhà vệ sinh này. Tại đây, nước thải được bơm theo đường ống HDPE DN90mm về hố ga KN3-M0 và tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE DN200mm về hồ bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn các khu nhà vệ sinh của nhà bảo vệ, nhà văn phòng và nhà ăn, xưởng sản xuất giai đoạn 1, xưởng sản xuất giai đoạn 2 được thu gom, tự chảy theo các đường ống uPVC DN60mm, DN90mm, DN114mm và HDPE DN200mm về hồ bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh của nhà chuyên gia được thu gom, tự chảy theo đường ống uPVC DN60mm về hố bơm cục bộ đặt gần nhà vệ sinh này. Tại đây, nước thải được bơm theo đường ống HDPE DN90mm về hố ga KN3-M0 và tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ khu nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, sau đó tự chảy theo đường ống uPVC DN90mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ các lavabo của khu vực rửa mắt khẩn cấp (khu vực ứng phó sự cố) được thu gom, tự chảy theo các đường ống uPVC DN50mm, DN60mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy, vệ sinh định kỳ tháp giải nhiệt được thu gom, tự chảy theo các đường ống uPVC DN50mm, DN90mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống làm lạnh (Chiller) được thu gom, tự chảy theo các đường ống uPVC DN42mm, DN90mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ khu vực rửa trực in được thu gom, tự chảy theo đường ống PPR DN34mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO được thu gom, tự chảy theo đường ống PPR DN32mm và HDPE DN200mm về hố bơm nước thải tập trung.

* Tại hố bơm nước thải tập trung, nước thải được tiếp tục bơm điều tiết về 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, sau đó tự chảy về hố ga đối chứng bên trong mặt bằng cơ sở và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex Bình Định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

a) Công trình bể tự hoại:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh → 12 Bể tự hoại (02 bể tự hoại 03 ngăn và 10 bể tự hoại 02 ngăn) → Hố bơm nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại 03 ngăn: 01 bể tại nhà bảo vệ, dung tích 4 m³ và 01 bể tại nhà văn phòng và nhà ăn, dung tích 13 m³.

+ Bể tự hoại 02 ngăn: 01 bể tại nhà chuyên gia, 03 bể tại xưởng sản xuất giai đoạn 1, 06 bể tại xưởng sản xuất giai đoạn 2; dung tích 02 m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc nhựa PVC dạng tổ ong (sử dụng cho bể tự hoại 02 ngăn).

b) Công trình bể tách mỡ:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Hồ bơm nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế: 01 bể có dung tích 5,3m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung:

a) Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

Nước thải tại hồ bơm nước thải tập trung → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể trung gian → Hệ thống Wetland → Hồ ga đối chứng bên trong mặt bằng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex Bình Định.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Becamex Bình Định).

b. Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

Nước thải tại hồ bơm nước thải tập trung → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đối chứng bên trong mặt bằng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex Bình Định.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, dinh dưỡng Nitơ, dinh dưỡng Phospho, Javel (hoặc các vật liệu, hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Becamex Bình Định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, máy thổi khí. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và bảo trì hệ thống bơm, đường ống dẫn nước thải và các công trình, thiết bị khác của hệ thống xử lý nước thải tập trung, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn hoặc ngưng trệ hệ thống xử lý, không để rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường;

- Tổ chức vận hành các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý nước thải của cơ sở theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao;

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải thực hiện ngay các giải pháp:

+ Đóng van xả nước thải ra hồ ga đối chứng bên trong mặt bằng cơ sở, kết hợp tạm dừng hoặc hạn chế vận hành các công đoạn có phát sinh nước thải để giảm thiểu thấp nhất việc đưa nước thải về hệ thống đang bị sự cố;

+ Rà soát nguyên nhân để xảy ra sự cố và triển khai ngay giải pháp khắc phục;

+ Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm hệ thống, công trình, thiết bị xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả trở lại, Chủ cơ sở mới được mở van xả nước thải ra hồ ga đối chứng và vận hành ổn định trở lại các công đoạn có phát sinh nước thải.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, đầu nối triệt để vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại hồ ga có tọa độ: $X = 1.519.417$; $Y = 588.050$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, vĩ tuyến 3°).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Các công trình xử lý nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo nguồn nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh được thu gom, xử lý và đầu nối triệt để vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp, không xả thải ra môi trường. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối phải đáp ứng giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp theo thỏa thuận đã thống nhất giữa Chủ cơ sở với Công ty Cổ phần Becamex Bình Định.

3.2. Nước mưa trên mặt bằng phải được thu gom, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp và tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, bao gồm cả việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ phòng phủ mực in, phòng máy sấy khô bề mặt, thiết bị tẩy rửa và chung cất dung môi tại xưởng sản xuất giai đoạn 1;
- Nguồn số 02: Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ phòng phủ mực in, phòng máy sấy khô bề mặt tại xưởng sản xuất giai đoạn 2;
- Nguồn số 03: Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ phòng tẩy rửa và chung cất dung môi, phòng trộn nguyên liệu sản xuất mực in tại xưởng sản xuất giai đoạn 1;
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ buồng trộn nguyên liệu sản xuất mực in tại xưởng sản xuất giai đoạn 1;
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ 06 máy chà nhám màng Pet tại xưởng sản xuất giai đoạn 1;
- Nguồn số 06: Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ hoạt động thí nghiệm kiểm tra mẫu mực in tại xưởng sản xuất giai đoạn 1;
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ 06 buồng đặt máy chà nhám tại xưởng sản xuất giai đoạn 1.

(Nguồn số 04 được thu gom về hệ thống xử lý bụi, sau đó dòng khí sẽ được dẫn về hệ thống hấp phụ để tiếp tục xử lý hơi dung môi, không trực tiếp xả thải ra ngoài môi trường; nguồn số 07 được thu gom, xử lý và thoát trong nhà xưởng, không xả thải ra ngoài môi trường).

2. Dòng khí thải; vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ phòng phủ mực in, phòng máy sấy khô bề mặt, thiết bị tẩy rửa và chung cất dung môi tại xưởng sản xuất giai đoạn 1 (Hệ thống RTO số 01), tọa độ: X = 1.519.691; Y = 588.155;
- Dòng số 02: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ phòng phủ mực in, phòng máy sấy khô bề mặt tại xưởng sản xuất giai đoạn 2 (Hệ thống RTO số 02), tọa độ: X = 1.519.669; Y = 588.170;

- Dòng số 03: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ phòng tẩy rửa và chung cất dung môi, phòng trộn nguyên liệu sản xuất mực in tại xưởng sản xuất giai đoạn 1 (Hệ thống hấp phụ), tọa độ: X= 1.519.682, Y= 588.141;

- Dòng số 04: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ 06 máy chà nhám màng Pet, tọa độ: X = 1.519.700; Y = 588.055;

- Dòng số 05: Tại miệng ống thoát chung của 02 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ 02 tủ thí nghiệm kiểm tra mẫu mực in, tọa độ: X = 1.519.663; Y= 588.001.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất đề nghị cấp phép: 358.362 m³/giờ. Trong đó:

STT	Dòng thải	Lưu lượng (m ³ /giờ)
01	Dòng số 01	120.440
02	Dòng số 02	133.822
03	Dòng số 03	93.000
04	Dòng số 04	6.840
05	Dòng số 05	4.260

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất, tối đa 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng số 01 và số 02				
01	Bụi	mg/Nm ³	80	- 01 năm/lần đối với thông số hợp chất hữu cơ dễ bay hơi; - 06 tháng/lần đối với các thông số còn lại.	Không thuộc đối tượng
02	CO	mg/Nm ³	400		
03	SO ₂	mg/Nm ³	300		
04	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	400		
05	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC bao gồm cấu tử: Butyl axetat, Toluene)	mg/Nm ³	120		
06	Nhiệt độ	°C	-		

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
07	Lưu lượng	m ³ /giờ	- Dòng số 01: 120.440 - Dòng số 02: 133.822		
II	Dòng số 03				
01	Bụi	mg/Nm ³	80	- 01 năm/lần đối với thông số hợp chất hữu cơ dễ bay hơi; - 06 tháng/lần đối với các thông số còn lại.	Không thuộc đối tượng
02	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC bao gồm cấu tử: Butyl axetat, Toluene)	mg/Nm ³	120		
03	Lưu lượng	m ³ /giờ	93.000		
III	Dòng số 04				
01	Bụi	mg/Nm ³	80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	m ³ /giờ	6.840		
IV	Dòng số 05				
01	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC bao gồm cấu tử: Butyl axetat, Toluene)	mg/Nm ³	120	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	m ³ /giờ	4.260		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom theo hệ thống các đường ống nhánh bằng thép không rỉ, có kích thước từ DN400mm - DN1400mm thông qua 09 quạt hút (gồm: 05 quạt có công suất 11kW/quạt và 04 quạt có công suất 37kW/quạt), sau đó dẫn kết nối vào 01 đường ống chính bằng thép không rỉ, kích thước DN1600mm về hệ thống RTO số 01 thông qua 01 quạt hút, công suất 315kW;

- Nguồn số 02: Được thu gom theo hệ thống các đường ống nhánh bằng thép không rỉ, có kích thước từ DN400mm - DN1400mm thông qua 08 quạt hút (gồm: 04 quạt có công suất 11kW/quạt và 04 quạt có công suất 37kW/quạt), sau đó dẫn vào 01 đường ống chính bằng thép không rỉ, kích thước DN1600mm về hệ thống RTO số 02 thông qua 01 quạt hút, công suất 315kW;

- Nguồn số 03: Được thu gom theo hệ thống các đường ống nhánh bằng thép không rỉ, có kích thước từ DN400mm - DN900mm thông qua 03 quạt hút (gồm: 02 quạt công suất 37kW/quạt, 01 quạt có công suất 15kW), sau đó dẫn vào 01 đường ống chính bằng thép không rỉ, kích thước DN1250mm về hệ thống hấp phụ thông qua 01 quạt hút, công suất 160kW;

- Nguồn số 04: Được thu gom theo hệ thống đường ống bằng thép không rỉ, kích thước DN400mm, DN450mm, DN900mm về hệ thống xử lý bụi thông qua 01 quạt hút có công suất 15kW. Khí thải sau khi ra khỏi hệ thống xử lý bụi được dẫn theo đường ống bằng thép không rỉ có kích thước DN1250mm về hệ thống hấp phụ thông qua 01 quạt hút, công suất 160kW;

- Nguồn số 05: Được thu gom theo đường ống bằng thép không rỉ, kích thước DN300mm về hệ thống xử lý bụi thông qua 06 quạt hút, công suất 11kW/quạt (tương đương 1.140m³/giờ/quạt).

- Nguồn số 06: Được thu gom trực tiếp về 02 hệ thống xử lý thông qua 02 quạt hút công suất 1100W/quạt.

- Nguồn số 07: Được thu gom về hệ thống xử lý bụi theo đường ống bằng thép không rỉ, kích thước DN560mm thông qua 01 quạt hút, công suất 37kW.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Hệ thống RTO số 01 → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 120.440 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nhiên liệu LPG (khí gas) hoặc các chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Hệ thống RTO số 02 → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 133.822 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nhiên liệu LPG (khí gas) hoặc các chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 93.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hỗn hợp bụi, khí thải → Quạt hút → Hệ thống xử lý bụi → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý bụi: 7.000 m³/giờ.

+ Hệ thống hấp phụ: 93.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Filter lọc bụi.

1.2.5. Hệ thống xử lý khí thải (bụi) nguồn số 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi thải → Hệ thống xử lý bụi → Quạt hút → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.840 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Filter lọc bụi.

1.2.6. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 06:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → 02 Quạt hút → 02 Hệ thống xử lý khí thải → 01 Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.260 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bằng than hoạt tính.

1.2.7. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 07:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Không khí có lẫn bụi → Quạt hút → Hệ thống xử lý bụi → Ống thoát → Thoát ra môi trường bên trong nhà xưởng.

- Công suất thiết kế: 21.300 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Filter lọc bụi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường;

- Trang bị và lắp đặt hệ thống cảm biến tự động để phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến 02 hệ thống RTO (khi hệ thống RTO gặp sự cố, hệ thống cảm biến luôn đảm bảo sẵn sàng để kích hoạt dừng toàn bộ hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất liên quan đến việc phát sinh nguồn thải số 01 và số 02);

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao;

- Hệ thống cấp khí nén phục vụ hoạt động của cơ sở phải đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng quy trình vận hành đã được nhà cung cấp chuyển giao; đảm bảo các thiết bị liên quan đến việc lưu chứa, tạo khí nén,... tại cơ sở được kiểm định khi đưa vào hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra đối với các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, phải tạm dừng hoạt động sản xuất tại các dây chuyền máy móc, thiết bị có phát sinh khí thải được thu gom, xử lý bởi các công trình thu gom, xử lý khí thải bị sự cố; đồng thời, khẩn trương kiểm tra, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn và hệ thống xử lý khí thải hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại các công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý khí thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động khi thực hiện công tác kiểm tra, vận hành và khắc phục sự cố đối với các công trình, thiết bị xử lý khí thải, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của các công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng thải số 02 (*các hệ thống xử lý khí thải còn lại không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định*).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của dòng thải số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong dòng thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (việc quan trắc chất thải do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; các ống thoát của các hệ thống xử lý bụi, khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải (bao gồm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm, ghi sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,...).

3.4. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải quy định tại mục 1.4 Phần B Phụ lục này.

3.5. Thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định của pháp luật.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải ra môi trường không đảm bảo quy chuẩn cho phép, kể cả việc thực hiện không đảm bảo các quy định liên quan đến việc vận hành hệ thống máy nén khí đã nêu tại Phụ lục này.

Phụ lục 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-BQL ngày tháng 7 năm 2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực chà nhám;
- Nguồn số 02: Khu vực lắp đặt máy nén khí;
- Nguồn số 03: Khu vực lắp đặt máy làm lạnh.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian			Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 18 giờ)	Tối (từ 18 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22h00 đến trước 06h00)	
1	70 dBA	65 dBA	60 dBA	Khu vực E

2.2. Độ rung:

TT	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22h00 đến trước 06h00)	Ghi chú
1	75 dB	70 dB	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Các giải pháp thực hiện để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Thường xuyên kiểm tra độ chặt của các bu lông, ốc vít và bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm rung động; định kỳ thực hiện bảo dưỡng, vệ sinh các máy móc, thiết bị, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

+ Luôn đảm bảo chân đế của các máy móc thiết bị được lắp cố định, cân bằng và chắc chắn vào sàn.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên làm việc tại các khu vực có tiếng ồn lớn.

Phụ lục 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
01	Dầu truyền nhiệt thải (tần suất thải 05-10 năm/lần)	17 03 05	NH	22.500
02	Ắc quy chì thải	19 06 01	NH	1.200
03	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	NH	50
Tổng cộng				23.750

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Các loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
01	Bao bì carton, bao bì nilon thải, dây nhựa thải	18 01 05 18 01 06	TT-R	10.280
02	Pallet gỗ hỏng thải	18 01 07	TT-R	207.660
03	Màng Pet vụn thải, bụi từ quá trình chà nhám màng Pet	03 02 12	TT-R	723.150
04	Phế liệu các loại gồm sắt, thép,... thải	-	-	13.520
05	Phế liệu nhựa thải	18 01 06	TT-R	180
06	Mực in và hộp chứa mực in (mực in văn phòng)	08 02 06 08 02 08	TT	60
07	Filter lọc bụi hỏng thải	18 02 02	TT	30
Tổng cộng				954.880

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 50,4 tấn/năm.
- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất

thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
01	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	KS	105.740
02	Bùn mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 02	KS	77.000
03	Dung dịch nước tẩy có thành phần nguy hại	07 01 06	KS	33.810
04	Giẻ lau, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	119.410
05	Hỗn hợp mực in gốc nước (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	KS	54.860
06	Tấm lọc bằng than hoạt tính thải	19 12 02	KS	06
07	Hóa chất thải	19 05 04	KS	3.000
08	Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	KS	13.200
09	Filter lọc bụi hồng thải	18 02 01	KS	20
Tổng cộng				407.046

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu chứa trong nhà tiếp dung môi phía Đông Bắc mặt bằng, diện tích 68,6m² để lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; biển dấu hiệu

cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải, nhãn cảnh báo và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC, vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng,... theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu chứa trong nhà tiếp dung môi phía Đông Bắc mặt bằng, diện tích 68,6m² để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu trữ;....

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa tại vị trí phía Tây mặt bằng, diện tích 12m² để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; đảm bảo thông thoát để hạn chế việc phân hủy các thành phần hữu cơ gây mùi;....

Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Hoạt động tự tái chế chất thải:

Hệ thống, công trình, thiết bị tái chế chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát tự tái chế: Toàn bộ lượng dung môi thải và mực in thừa từ công đoạn sản xuất mực in, công đoạn in và rửa khuôn in (không bao gồm hỗn hợp mực in gốc nước).

- Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát tự tái chế: Khoảng 455 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Dung môi thải, mực in thừa → Hệ thống chung cất → Dung môi sạch.

- Công suất thiết kế của hệ thống tái chế (theo công suất của hệ thống chung cất): Khoảng 505,4 tấn/năm.

- Sản phẩm tái chế: Dung môi sạch thu được khoảng 378 tấn/năm, được sử dụng cho công đoạn rửa khuôn in trong quá trình sản xuất mực in.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện việc thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về PCCC, an toàn lao động, an

toàn hóa chất, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao, xử lý các loại chất thải phải xử lý và được phép chuyển giao chất thải thông thường cho đơn vị phù hợp để tiêu thụ như sản phẩm, hàng hóa trong trường hợp đơn vị tiêu thụ được phép sử dụng chất thải làm nguyên liệu sản xuất theo quy định

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải; thiết bị, dụng cụ thu gom, lưu giữ chất thải, không để xảy ra tình trạng xuống cấp, hư hỏng dẫn đến nguy cơ đổ tràn hoặc rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường.

4. Xây dựng 04 hồ thu chống thấm, có nắp đan đáy bằng thép, đặt âm dưới mặt đất tại khu nhà tiếp dung môi, dung tích $0,13 \text{ m}^3/\text{hồ}$ để thu gom lượng dung môi, chất thải nguy hại dạng lỏng đổ, tràn, rò rỉ từ các khu vực lưu giữ trong trường hợp xảy ra sự cố. Lượng dung môi, chất thải nguy hại sau khi lưu chứa tạm thời được thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5. Xây dựng 01 hầm để đặt các bồn chứa dung môi, bên trong có chứa cát giúp đảm bảo độ an toàn cho các bồn chứa dung môi và lắp đặt hệ thống đường ống nhựa PVC D168mm kết nối với 01 hồ ga chống thấm dung tích $6,22 \text{ m}^3$ để thu gom lượng nước mưa rò rỉ, chảy tràn vào khu vực hầm chứa, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy. Bồn chứa dung môi là loại bồn thép dày có 2 lớp, khoảng trống giữa 2 lớp thép có lắp đặt hệ thống cảm biến cảnh báo rò rỉ dung môi, trường hợp lớp thứ 1 hoặc lớp thứ 2 có hiện tượng mất an toàn (bị thủng, nứt,...) cảm biến sẽ hoạt động để thông báo cho bộ phận kỹ thuật của nhà máy biết và thực hiện ngay các hoạt động sửa chữa kịp thời, không để rò rỉ dung môi ra lớp cát bảo vệ bên ngoài.

6. Xây dựng bể chứa (dung tích $4,82 \text{ m}^3$) tại vị trí phía dưới bồn chứa dầu nhiệt để thu gom, lưu chứa tạm thời một phần lượng dầu tải nhiệt khi bị sự cố giãn nở quá mức cho phép để đảm bảo an toàn cho máy móc, thiết bị sản xuất. Bể chứa và cả hệ thống bồn chứa dầu nhiệt được lắp đặt mái che đảm bảo không để nước mưa xâm nhập vào. Lượng dầu nhiệt sau khi lưu chứa tạm thời được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

7. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi thực hiện không đúng, không đầy đủ công tác thu gom, quản lý, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh)

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Canh Vinh trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường này.

2. Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh trên mặt bằng luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được Ban Quản lý Khu kinh tế phê duyệt.

3. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Chủ cơ sở phải:

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định;

- Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường;

- Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp, thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải theo đúng quy định pháp luật hiện hành;

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng hóa chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong suốt quá trình vận hành.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO

14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới./.